

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/KDTM-ST

Ngày 25-6-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Dũng

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thu Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S (viết tắt là Công ty S); địa chỉ trụ sở: Khu C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Bùi Đình H, sinh năm 1978 và anh Chu Văn Thành, sinh năm 1994; cùng cư trú: Tòa nhà C, đường T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội, đều là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần S (văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 12 năm 2020); anh Hiến có mặt, anh Thành vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ (viết tắt là Công ty Cổ phần Đ); địa chỉ trụ sở: Đường A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Ngọc Đ; nơi ĐKKHTT: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 26/5/2020, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần S (sau đây gọi là Công ty S) và Công ty Cổ phần Đ (sau đây gọi là Công ty Cổ phần Đ) đã giao dịch về việc mua bán chất phụ gia bê tông. Do hai bên có quan hệ làm ăn lâu dài, tin tưởng nhau nên không ký hợp đồng mà thỏa thuận bằng miệng. Theo thỏa thuận, Công ty S đồng ý bán và Công ty Cổ phần Đ đồng ý mua các sản phẩm phụ gia bê tông với giá như sau (chưa bao gồm 10% thuế VAT):

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (đồng/lít)	Quy cách đóng gói
01	HR1000	lít	17.000	1.000L/ thùng 200L/phuy
02	WPA52	lít	17.000	
03	SPR3000	lít	20.000	
04	SSA1000	lít	17.000	
05	SR3000F	lít	27.000	

Công ty S có trách nhiệm giao hàng như số lượng đặt hàng và trong thời gian theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Đ. Hàng tháng, Công ty S xuất hóa đơn giá trị gia tăng và Công ty Cổ phần Đ có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị hàng hóa mua bán cho Công ty S ngay sau khi xuất hóa đơn tài chính. Việc thanh toán có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty S.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận, Công ty S đã tiến hành giao hàng và Công ty Cổ phần Đ đã nhận đầy đủ số lượng hàng hóa đúng thời gian theo từng lần và các đơn hàng mà bị đơn đặt mua. Việc này được thể hiện qua các phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của Công ty S (trong đó có thông tin đầy đủ ngày giao/nhận hàng, khối lượng, người ký giao/nhận của hàng hóa của hai bên ...), thông qua các phiếu xuất kho (có ký nhận của bên mua và bên bán) Công ty S đã tiến hành xuất hóa đơn tài chính (hóa đơn GTGT) cho Công ty Cổ phần Đ; cụ thể như sau:

- Hóa đơn GTGT số 0002911 ngày 31/05/2018 số tiền 93.500.000 đồng.

- Hóa đơn GTGT số 0000891 ngày 30/06/2018 số tiền 56.100.000 đồng.
- Hóa đơn GTGT số 0001345 ngày 31/08/2018 số tiền 112.200.000 đồng.
- Hóa đơn GTGT số 0001438 ngày 29/09/2018 số tiền 93.500.000 đồng.
- Hóa đơn GTGT số 0001627 ngày 31/10/2018 số tiền 130.900.000 đồng.
- Hóa đơn GTGT số 0001802 ngày 30/11/2018 số tiền 93.500.000 đồng.
- Hóa đơn GTGT số 0001923 ngày 31/12/2018 số tiền 67.100.000 đồng.

Tính đến hết ngày 31/12/2018 Công ty Cổ phần Đ đã đặt mua và nhận đầy đủ số lượng hàng hóa nêu trên của Công ty S với tổng số tiền (sau thuế GTGT) là 646.800.000 đồng. Việc này cũng đã được hai bên xác lập và ký xác nhận bằng Biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/01/2019, theo đó số nợ phát sinh của Công ty Cổ phần Đ tính đến ngày 31/12/2018 là 646.800.000 đồng; bị đơn đã thanh toán 195.000.000 đồng; bị đơn còn nợ tính đến ngày 31/12/2018 là 451.800.000 đồng.

Năm 2019, hai bên tiếp tục giao dịch mua bán chất phụ gia bê tông với nội dung như trên. Công ty S đã xuất các hóa đơn tài chính GTGT như sau:

- Hóa đơn GTGT số 0002234 ngày 31/01/2019 số tiền 149.600.000 đồng.
- Hóa đơn GTGT số 0002483 ngày 30/03/2019 số tiền 261.800.000 đồng.
- Hóa đơn GTGT số 0002694 ngày 29/04/2019 số tiền 37.400.000 đồng.
- Hóa đơn GTGT số 0002958 ngày 31/05/2019 số tiền 56.100.000 đồng.
- Hóa đơn GTGT số 0003334 ngày 31/07/2019 số tiền 37.400.000 đồng.
- Hóa đơn GTGT số 0003641 ngày 31/08/2019 số tiền 44.000.000 đồng.

Như vậy, kể từ thời điểm hai bên có thỏa thuận cho đến hết ngày 31/08/2019 Công ty S đã bán, xuất hóa đơn tài chính, giao đầy đủ hàng và Công ty Cổ phần Đ đã nhận đầy đủ số lượng hàng hóa đã đặt mua với tổng số tiền là 1.233.100.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng). Tuy nhiên đến nay Công ty Cổ phần Đ mới chỉ thanh toán cho Silkroad 595.000.000 đồng. Số tiền đã thanh toán trên được Công ty Cổ phần Đ chuyển khoản trực tiếp vào số tài khoản của Công ty S tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, số tài khoản 0341001912578. Việc này được thể hiện qua các phiếu báo có/phiếu sao kê/truy vấn tài khoản của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương xác nhận; cụ thể:

Ngày thanh toán	Số tiền thanh toán	Nội dung thanh toán
25/07/2018	95.000.000	Thanh toán tiền mua phụ gia
19/10/2018	100.000.000	Thanh toán tiền mua phụ gia

02/01/2019	50.000.000	Thanh toán tiền mua phụ gia
07/01/2019	50.000.000	Thanh toán tiền mua phụ gia
15/01/2019	50.000.000	Thanh toán tiền mua phụ gia
02/05/2019	50.000.000	Thanh toán tiền mua phụ gia
28/05/2019	100.000.000	Thanh toán tiền mua phụ gia
17/07/2019	100.000.000	Thanh toán tiền mua phụ gia
Tổng cộng:	595.000.000	

Số tiền hàng còn lại là 638.100.000 đồng, cho đến nay Công ty Cổ phần Đ đã không trả cho Công ty S mặc dù Công ty S đã nhiều lần gửi văn bản, cũng như gặp trực tiếp để yêu cầu trả nợ nhưng Công ty Cổ phần Đ vẫn tiếp tục trì hoãn việc trả nợ với nhiều lý do không chính đáng.

Tại phiên tòa, Công ty S thay đổi yêu cầu khởi kiện do hóa đơn tài chính (GTGT) số 0001627 ngày 31/10/2018 do Công ty S xuất ra với trị giá hàng hóa là 130.900.000 đồng không được Công ty Cổ phần Đ hạch toán thuế tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An. Do vậy, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền hàng còn nợ lại của các lần mua bán hàng hóa chất phụ gia bê tông giữa hai bên là 507.200.000 đồng

Về tiền lãi: Khi mua bán hàng hóa, hai bên thỏa thuận sau khi nhận đủ hàng và xuất hóa đơn GTGT, bên mua phải thanh toán tiền ngay. Tuy nhiên, để có lợi cho bị đơn, nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần Đ phải chịu lãi chậm trả cho các hóa đơn chưa thanh toán sau 01 tháng kể từ ngày xuất hóa đơn GTGT cuối cùng mà bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là ngày 30/9/2019 đến ngày mở phiên tòa hôm nay 25/6/2021 là 625 ngày với mức lãi suất là 5,5%/năm, tương đương với mức lãi suất 0,0153%/ngày (một năm tính là 360 ngày). Vì vậy, tổng số tiền lãi yêu cầu bị đơn thanh toán là 48.430.556 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 555.630.556 đồng.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không đến trụ sở Tòa án để tham gia việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có quan điểm gửi Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không đến Tòa án tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng không có quan điểm gửi Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy giữa Công ty S và Công ty Cổ phần Đ mặc dù không ký hợp đồng (bằng văn bản) về việc mua bán hàng hóa là chất phụ gia bê tông nhưng thực tế giữa hai bên có việc mua hàng (thông qua các phiếu xuất kho) và trả tiền (bị đơn chuyển khoản qua tài khoản của nguyên đơn tại ngân hàng Vietcombank, có xuất hóa đơn GTGT và đã được Công ty Cổ phần Đ hạch toán thuế, có biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên. Như vậy có thể coi giao dịch giữa hai bên là hợp đồng mua bán hàng hóa (hợp đồng miệng) và thỏa thuận hợp đồng mua bán giữa hai bên là hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng và tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại; các điều 116, 117, 119 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản tiền hàng còn lại chưa thanh toán theo thỏa thuận mua bán chất phụ gia bê tông giữa hai bên đến ngày 25/6/2021 là 507.200.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 48.430.556 đồng; tổng cộng là 555.630.556 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 26.225.222 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí 15.540.000 đồng nguyên đơn đã nộp. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh là Công ty S và Công ty Cổ phần Đ được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở hoạt động trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt bị đơn:

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn ông Hoàng Ngọc Đức đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có quan điểm giải quyết vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 02/6/2021, đại diện bị đơn ông Hoàng Ngọc Đức vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Giữa Công ty S và Công ty Cổ phần Đ mặc dù không ký hợp đồng (bằng văn bản) về việc mua bán hàng hóa là chất phụ gia bê tông nhưng thực tế giữa hai bên có việc mua hàng (thông qua các phiếu xuất kho có việc vận chuyển và giao nhận hàng hóa giữa bên mua, bên bán) và thanh toán tiền (bị đơn chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của nguyên đơn, nguyên đơn đã xuất hóa đơn GTGT và các hóa đơn này đã được Công ty Cổ phần Đ hạch toán thuế, có biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên. Như vậy có thể coi quan hệ giữa hai bên là hợp đồng mua bán hàng hóa (hợp đồng miệng) và thỏa thuận hợp đồng mua bán giữa hai bên là hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; chưa thanh toán đầy đủ tiền hàng và tiền lãi chậm thanh toán. Căn cứ các phiếu giao nhận hàng giữa hai bên, hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản đối chiếu công nợ, tài liệu sao kê tài khoản ngân hàng của nguyên đơn thể hiện số tiền bị đơn đã thanh toán và tài liệu xác minh tại Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải An thể hiện các hóa đơn tài chính của Công ty S xuất bán cho Công ty Cổ

phần Đ đều được Công ty Cổ phần Đ hạch toán thuế. Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền hàng còn lại chưa thanh toán theo thỏa thuận mua bán chất phụ gia bê tông giữa hai bên đến ngày 25/6/2021 là 507.200.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Đối với khoản tiền lãi do chậm thanh toán: Nguyên đơn giao hàng cho bị đơn và xuất hóa đơn GTGT cuối cùng là ngày 31/08/2019; đến nay bị đơn chưa thanh toán số tiền hàng còn thiếu là 507.200.000 đồng. Do vậy, yêu cầu khoản tiền lãi đối với số tiền hàng chậm thanh toán của nguyên đơn là có căn cứ.

[4.1] Về mức lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 5,5%/năm, tương đương lãi suất 0,0153%/ngày thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường trên địa bàn quận Ngô Quyền tại thời điểm xét xử (mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng: TMCP Công thương Việt Nam, TMCP Ngoại thương Việt Nam và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 14%).

[4.2] Thời điểm tính lãi từ ngày 30/9/2020, tức là sau 30 ngày kể từ ngày nguyên đơn xuất hóa đơn cuối cùng cho bị đơn mà chưa thanh toán (ngày 31/8/2020), đến ngày xét xử 25/6/2021 là 625 ngày.

[4.3] Mức lãi suất và thời gian tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và có lợi hơn cho bị đơn nên cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn với số tiền lãi chậm thanh toán là 48.430.556 đồng;

[5] Như vậy, tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán được chấp nhận là 555.630.556 đồng.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Yêu cầu khởi kiện của Công ty S được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.540.000 đồng.

[7] Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng + 4% x (555.630.556 đồng - 400.000.000 đồng) = 26.225.222 đồng (làm tròn 26.226.000 đồng).

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 119 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S đối với Công ty Cổ phần Đ.

1. Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Stiền hàng còn lại chưa thanh toán theo thỏa thuận mua bán chất phụ gia bê tông giữa hai bên tính đến ngày 25 tháng 6 năm 2021 là 507.200.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 48.430.556 đồng; tổng cộng là 555.630.556 (Năm trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Công ty Cổ phần Đ) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án (Công ty Cổ phần Đ) còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần Đ phải chịu 26.226.000 (Hai mươi sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.540.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 6737 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Công ty Cổ phần Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Thu